TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/DS-ST
Ngày: 10-06-2022
"V/v tranh chấp tiền hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Văm Mầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

2. Bị đơn: Ông Trần Phương T, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Bà Dương Thị S, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn – Ông Nguyễn Minh Q trình bày:*

Vào 2020 ông Q cho vợ chồng ông T và bà S mượn với số tiền là 70.000.000 đồng, đến nay vợ chồng ông T vẫn chưa trả lại cho ông Q.

Năm 2017 ông Q làm chủ hụi tại địa phương, vợ chồng ông T và bà S vô 04 chưng hụi của 04 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi 500.000 đồng, khui ngày 15/12/2017, dây hụi gồm 39 chưng, vợ chồng ông T vô 01 chưng, đã hốt hụi, sau đó đóng hụi chết lại không đầy đủ.

- Dây hụi 500.000 đồng, khui ngày 20/7/2018, dây hụi gồm 34 chưng, vợ chồng ông T vô 01 chưng, đã hốt hụi, sau đó đóng hụi chết lại không đầy đủ.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 06/11/2018, dây hụi gồm 42 chưng, vợ chồng ông T vô 01 chưng, đã hốt hụi, sau đó đóng hụi chết lại không đầy đủ.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 25/5/2019, dây hụi gồm 40 chưng, vợ chồng ông T vô 01 chung, đã hốt hụi, sau đó đóng hụi chết lại không đầy đủ.

Hai bên gặp nhau đối chiếu nợ hụi thì vợ chồng ông T và bà S còn nợ lại với số tiền hụi chết chưa đóng là 59.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh Q yêu cầu vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S phải có trách nhiệm thanh toán số tiền mượn là 70.000.000 đồng và số tiền hụi chết còn nợ là 59.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Q không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vợ chồng ông T và bà S không tham gia phiên họp và phiên hòa giải và cũng cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông Q khởi kiện.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q trình bày yêu cầu: Ông Q xin rút lại yêu cầu đối với khoản tiền mượn là 70.000.000 đồng; nay chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S thanh toán số tiền hụi chết còn nợ là 59.000.000 đồng.

- Vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S được triệu tập hợp lệ xét xử lần 2 nhưng ông bà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Phương T và bà Dương Thị S.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện ông Q yêu cầu vợ chồng ông T và bà S có cùng địa chỉ tại ấp Kinh Lớn – xã Đông Thới – huyện Cái Nước trả tiền mượn và thanh toán tiền hụi chết còn nợ; tại phiên tòa ông Q xin rút lại yêu cầu trả tiền mượn, chỉ yêu cầu thanh toán tiền hụi còn nợ. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp tiền hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét về trình bày của các đương sự:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh Q xin rút lại yêu cầu đối với số tiền mượn là 70.000.000 đồng; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật

Tố tụng Dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu vợ chồng ông T và bà S trả số tiền mượn là 70.000.000 đồng.

Xét về yêu cầu thanh toán tiền hụi: Vào năm 2017 ông Q làm chủ hụi, vợ chồng ông T và bà S vô 04 chưng hụi, của 04 dây hụi, sau khi vô hụi đều đã hốt hết 04 chưng hụi, nhưng không đóng hụi chết lại đầy đủ, nay ông Q yêu cầu vợ chồng ông T và bà S thanh toán số tiền hụi chết còn nợ là 59.000.000 đồng.

Căn cứ vào tất cả tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S có vô hụi do ông Q làm chủ hụi là thực tế xảy ra, được thể hiện qua các danh sách hụi 500.000 đồng và 1.000.000 đồng thể hiện người tham gia vô hụi là "Tung".

- Đối với 04 chưng hụi ở 04 dây hụi thì vợ chồng ông T đã hốt hết, cụ thể được ghi cặp bên đều thể hiện số tiền bỏ hụi để hốt.

- Vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S đã được Tòa án tống đạt trực tiếp hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và phiên hòa giải nhưng ông bà không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông Q khởi kiện về tiền hụi. Do đó, vợ chồng ông T và bà S phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q về phần tiền hụi, buộc vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Q số tiền hụi chết còn nợ là 59.000.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng ông T và bà S chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền = 59.000.000 đồng x 5% = 2.950.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Phần ông Q nộp tạm ứng án phí với số tiền 3.225.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007870 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, nay ông Q được nhận lại toàn bộ.

[3.3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền mượn của ông Nguyễn Minh Q đối với vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q đối với vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S về phần tiền hụi.

Buộc vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Minh Q số tiền hụi chết còn nợ là 59.000.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông T và bà S chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông Trần Phương T và bà Dương Thị S phải chịu án phí với số tiền là 2.950.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Phần ông Q nộp tạm ứng án phí với số tiền là 3.225.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007870 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, nay ông Q được nhận lại toàn bộ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn